

**BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO
KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**
(Cập nhật ngày: 26/08/2021)

STT	NỘI DUNG	BIỂU PHÍ (Chưa bao gồm VAT)
	Dịch vụ SMS Banking	
1.1	Dành cho Tài khoản Thanh toán	
1.1.1	- Phí sử dụng dịch vụ	9.000VND/tháng/số điện thoại/tài khoản
1.1.2	- Phí hủy/chấm dứt dịch vụ	Miễn phí
1.2	Dành cho Tài khoản tiết kiệm mở tại quầy	
1.2.1	- Phí sử dụng dịch vụ	Miễn phí
1.2.2	- Phí hủy/chấm dứt dịch vụ	Miễn phí
2	Dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking	
2.1	Thiết bị bảo mật (Hard Token CR)	350.000VND/ thiết bị
2.2	Xác thực OTP SMS	Miễn phí
2.3	Phí đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí
2.4	Phí duy trì dịch vụ:	
2.4.1	- Internet Banking	8.000VND/tháng
2.4.2	- Mobile Banking	Miễn phí
2.5	Phí cấp lại mật khẩu	Miễn phí
2.6	Phí thay đổi dịch vụ	Miễn phí
2.7	Phí yêu cầu tăng hạn mức giao dịch	100.000VND/lần
2.8	Phí chuyển khoản	
2.8.1	Trong hệ thống HDBank	
2.8.1.1	Chuyển khoản giữa các tài khoản của chính KH	Miễn phí
2.8.1.2	Chuyển khoản giữa các tài khoản khác KH:	1.500VND/giao dịch
2.8.2	Ngoài hệ thống HDBank:	
2.8.2.1	Giao dịch dưới 15.000.000 VND	6.000VND/giao dịch
2.8.2.2	Giao dịch trên 15.000.000 VND	0,01% giá trị giao dịch Tối thiểu: 8.000VND/giao dịch



		Tối đa: 950.000VND/giao dịch
2.9	Phí chuyển tiền nhanh liên ngân hàng qua số thẻ hoặc số tài khoản	
2.9.1	- Giao dịch từ 500.000 VND trở xuống	7.000 VND/giao dịch
2.9.2	- Giao dịch từ 500.001 VND đến 2.000.000VND	
2.9.3	- Giao dịch trên 2.000.000 VND	
2.10	Chuyển tiền nhận bằng CMND	5.000VND/giao dịch
2.11	Phí hủy/chấm dứt dịch vụ	Miễn phí
2.12	Phí tu chỉnh/ tra soát giao dịch eBanking tại quầy (GD CK khác NH)	
2.12.1	- Cùng tỉnh/TP	10.000VND/giao dịch
2.12.2	- Khác tỉnh/TP	20.000VND/giao dịch

